

Bản án số: **39/2021/HS-ST**.
Ngày: 01/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Ông **Cao Văn Cần**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Dương Minh Ngọc**.
Ông **Nguyễn Văn Thư**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên Tòa:*
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày **01 tháng 9** năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **31/2021/TLST-HS** ngày 10 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Minh D**, sinh ngày: 21/2/1987, tại N, Quảng Nam, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khối A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Bùi Minh D1 và bà L Thị Ánh T; Vợ bị cáo tên Nguyễn Thị Ngọc T1, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 15/4/2009, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến ngày 25/12/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt.

- **Người bị hại:** Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm: 1980, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Những người khác được triệu tập tham gia phiên tòa:**

+ Ông Nguyễn Quang Th, chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án – Quỹ đất huyện N, địa chỉ: N, khối D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

+ Ông Trần Công D, chức vụ: Tổ trưởng Tổ bồi thường và Giải phóng mặt bằng – Ban quản lý Dự án và Quỹ đất huyện N, địa chỉ: N, khối D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Minh D là nhân viên Hợp đồng không xác định thời hạn của Ban Quản lý dự án và Quỹ đất huyện N, Quảng Nam (sau đây viết tắt là BQLDA), Bùi Minh D được phân công vào nhóm Bồi thường và giải phóng mặt bằng (thuộc Tổ Bồi thường và giải phóng mặt bằng).

Thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH7 –NT (đoạn từ cầu Nguyễn Phùng đến trạm y tế xã Tam Mỹ Đông) của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Núi Thành, Quảng Nam. Bùi Minh D được BQLDA huyện N phân công nhiệm vụ kiểm kê, đo đạc làm cơ sở cho việc tính toán, chi trả bồi thường đối với các hộ nằm trong dự án, trong đó có hộ gia đình chị Trần Thị Cẩm L với tổng diện tích đất bị thu hồi là 19,6 m² (trong đó có 16,1 m² đất ở và 3,5 m² đất trồng cây lâu năm) cùng với các tài sản gắn liền trên đất.

Vào khoảng tháng 5 năm 2020, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhận thấy hồ sơ của hộ gia đình chị L chưa đảm bảo một số thủ tục, giấy tờ nên D đã nhiều lần đến nhà chị L thông báo tình hình và đề nghị gia đình chị L sớm bổ sung, hoàn chỉnh các thủ tục có liên quan để được nhận tiền đền bù theo quy định. Ban đầu, chị L cho rằng việc bổ sung, hoàn chỉnh các giấy tờ có liên quan là trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứ không phải trách nhiệm của hộ gia đình chị L. Do vậy, giữa D và chị L có xảy ra tranh cãi, to tiếng. Lúc này, D có nói với chị L là chị phải có trách nhiệm tự cung cấp, bổ sung hồ sơ theo quy định, nếu hộ gia đình chị L không nhận được tiền giải tỏa, đền bù hoặc nhận được ít thì đó là do lỗi của gia đình chị L chứ không phải do D.

Khoảng hơn 01 tuần sau, D phối hợp với UBND xã T mời gia đình chị L đến UBND xã để làm việc. Tại buổi làm việc, D một lần nữa đề nghị hộ gia đình chị L bổ sung, cung cấp các giấy tờ có liên quan phục vụ cho công tác đền bù, giải phóng bằng thì chị L đồng ý. Sau buổi làm việc, chị L có điện thoại vào số 0935115468 của D nói chuyện, do không am hiểu pháp luật nên chị L đề nghị D giúp đỡ trong việc hoàn chỉnh hồ sơ để gia đình chị nhận được tiền đền bù, gia đình sẽ cảm ơn D sau khi xong việc. Lúc này do mới nắm bắt sơ bộ tình hình,

chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ của gia đình chị L nên D nói sẽ cố gắng làm hết sức, chưa rõ có làm được hay không.

Đến khoảng tháng 6 năm 2020, sau khi đo đạc, thu thập đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng của hộ gia đình chị L (đến giai đoạn đối chiếu, áp giá để tính tiền đền bù), với các thông tin đã thu thập được cộng với kinh nghiệm công tác, D dự đoán số tiền đền bù mà gia đình chị L nhận được vào khoảng 270.000.000 đến 280.000.000 đồng. Lúc này, do nợ nần, cần tiền trả nợ nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị L. Ngày 12/6/2020, D hẹn gặp chị L tại một quán café trên địa bàn thị trấn Núi Thành (không nhớ rõ địa chỉ) để nói chuyện, tại đây, D nói dối rằng hồ sơ của gia đình chị rất khó khăn, có khả năng không nhận được tiền đền bù vì thiếu các giấy tờ liên quan như giấy phép xây dựng, giấy tờ chứng minh thời điểm hình thành tài sản... D cho chị L biết các giấy tờ này thì D có thể làm giúp chị L được còn nếu chị L tự đi làm sẽ khó mà làm được. Do không am hiểu các thủ tục, giấy tờ, sợ gia đình mình không nhận được tiền đền bù nên chị L nhờ D làm giúp. D cho biết nếu làm hoàn chỉnh hồ sơ thì hộ gia đình chị L nhận được khoảng hơn 200.000.000 đồng nhưng D sẽ điều chỉnh cho số tiền này tăng lên khoảng 270.000.000 đồng- 280.000.000 đồng, số tiền dư ra đó D sẽ lấy. Nếu chị L đồng ý thì chị L phải đưa D ứng trước 20.000.000 đồng, số tiền còn lại D sẽ nhận sau khi hộ gia đình chị L nhận đủ tiền bồi thường. Chị L đồng ý, D đưa số tài khoản 0101862569 đứng tên mình mở tại Ngân hàng Đông Á, phòng Giao dịch Chu Lai, huyện Núi Thành, Quảng Nam để chị L chuyển tiền. Trong ngày 12/6/2020, chị L đã đến ngân hàng và chuyển cho D số tiền 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Sau khi nhận được tiền, D tiêu xài cá nhân hết.

Tháng 7 năm 2020, sau khi thu thập, hoàn chỉnh hồ sơ, D sử dụng phần mềm (do đơn vị cấp) tiến hành tính toán cụ thể số tiền đền bù, giải phóng mặt bằng mà chị L được nhận là hơn 300.000.000 đồng. D đã tự tạo ra một Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ dự kiến đối với hộ gia đình chị L (không có chữ ký, con dấu) để đưa cho chị L xem. Trong bảng kê thể hiện số tiền đền bù mà hộ gia đình bà L nhận được là 217.760.980 đồng. Đồng thời, D còn tạo ra một bảng kê tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ dự kiến cho 10 hộ dân thuộc diện hỗ trợ trong đợt này với mục đích nếu chị L không tin tưởng thì D sẽ đưa bảng kê này cho chị L xem.

Sau đó, D đến nhà và đưa cho chị L xem Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình chị L. D bảo với chị L là số tiền hộ gia đình chị được là 217.760.980 đồng, số tiền còn lại (dư ra) D sẽ lấy như thỏa thuận trước đây, chị L đồng ý.

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 18/8/2020, chị L đến Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ Đông để nhận tiền đền bù với số tiền 302.440.000 đồng. Sau khi chị L nhận tiền xong, khoảng 09 giờ 46 phút cùng ngày, D dùng số điện thoại 0935115468 của mình gọi vào số điện thoại 0979108697 của chị L đề nghị lấy số tiền chênh lệch là 85.000.000 đồng như đã thỏa thuận, D đã lấy trước 20.000.000 đồng nên số tiền còn lại là 65.000.000 đồng, ngoài ra D có xin thêm chị L hỗ trợ thêm số tiền 5.000.000 đồng hỗ trợ điện thoại, xăng xe, in ấn...trong quá trình D làm hồ sơ, tổng cộng là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Chị L đồng ý và hẹn gặp nhau tại quán café Giai điệu để đưa tiền. Đến 10 giờ 00 phút cùng ngày, khi gặp nhau tại quán café, chị L đưa D số tiền 70.000.000 đồng, D nhận tiền rồi cho vào túi quần bên phải phía trước mình đang mặc thì bị lực lượng Công an huyện Núi Thành phát hiện, lập biên bản sự việc.

Kết luận giám định số: 121/PC09 ngày 18/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận các tờ tiền D nhận từ chị L ký hiệu từ A1- đến A200 là tiền thật.

Cáo trạng số 35/CT-VKS-NT ngày 09/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo Bùi Minh Duẩn về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo D, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Bùi Minh D phạm vào tội: “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Minh Duẩn từ 30 đến 36 tháng tù. Đối với các vấn đề khác có liên quan đến vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Bùi Minh D và gia đình đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng chiếm đoạt của chị Trần Thị Cẩm L. Chị L đã có đơn xin bãi nại về dân sự.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người bị hại chị L có ý kiến đối với số tiền 5.000.000đ mà bị cáo D xin chị hỗ trợ thêm, số tiền này chị tự nguyện hỗ trợ cho bị cáo, chị không yêu cầu trả lại mà đề nghị để lại cho bị cáo D.

Tại phiên tòa, và lời nói sau cùng, bị cáo Duẩn thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội và tội danh:* Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Minh D khai nhận, năm 2020, bị cáo D được phân công phụ trách việc đo đạc diện tích đất và kiểm kê tài sản trên đất đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình chị Trần Thị Cẩm L để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH7 –NT của Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành, Quảng Nam. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của chị L nên đã gây khó dễ, viện lý do là hồ sơ của gia đình chị L không đầy đủ theo quy định, có khả năng không nhận được tiền đền bù và nói với chị L là mình có thể giúp chị L bổ sung hoàn thiện hồ sơ, điều chỉnh số tiền đền bù gia đình chị L được nhận từ khoảng hơn 200.000.000 đồng tăng lên khoảng 270.000.000 đồng đến 280.000.000 đồng. Chị L đã tin nên nhờ D làm giúp, qua đó D đã chiếm đoạt tiền của chị L hai lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 85.000.000đ (số tiền 5.000.000đ còn lại người bị hại tự nguyện cho).

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định. Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2020, khi thực hiện nhiệm vụ kiểm kê tài sản và đo đạc diện tích đất bị thu hồi của gia đình chị Trần Thị Cẩm L làm căn cứ áp giá bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH7 –NT. Dù không được phân công xây dựng hồ sơ, lập bảng tính áp giá bồi thường, không có thẩm quyền ký ban hành bảng tính giá trị hỗ trợ bồi thường đối với hộ gia đình chị L nhưng bị cáo D đã nói dối với chị L là mình làm được những việc này để chị L tin nhờ D làm giúp, qua đó chiếm đoạt tiền của chị L hai lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 85.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã truy tố đối với bị cáo là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:*

Tiền, tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo D là người

trưởng thành, bị cáo có đủ khả năng nhận thức được việc lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm chiếm đoạt tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của chị L là vi phạm kỷ luật lao động, vi phạm pháp luật, bị cáo D có nhân thân từng bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Lẽ ra bị cáo phải xem đây là bài học, qua đó tự cải tạo, tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với quy tắc xử sự chung của xã hội nhưng vì lòng tham, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo đã tiếp tục có hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo bên cạnh việc chiết đoạt tài sản của chị L còn xâm phạm đến tính đúng đắn trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật cho hành vi phạm tội của mình, cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và răn đe, phòng ngừa chung.

Song cũng xét, sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả; người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm đối với bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Tại phiên tòa đại diện Ban quản lý dự án và Tổ trưởng Tổ Bồi thường, giải phóng mặt bằng cho biết, qua các năm công tác, bị cáo đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần đáng kể vào việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật

[4] Các ông, bà Nguyễn Quang Th, Võ Văn Qu, Ngô Xuân N và Trần Thị Th không biết hành vi phạm tội của bị cáo, không liên quan hay hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của D nên không đề cập xử lý.

[5] *Về dân sự*: Người bị hại đã nhận lại số tiền bị cáo D chiếm đoạt, không có yêu cầu đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6] *Về vật chứng*: Số tiền 5.000.000 đồng, tuy chị L tự nguyện bồi dưỡng cho bị cáo, chị không yêu cầu nhận nhưng bị cáo D là công chức nhà nước, hưởng lương từ ngân sách nhà nước, việc nhận tiền bồi dưỡng, tặng cho của người dân liên quan đến quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao là trái pháp luật. Do đó cần trả lại cho chị L theo quy định;

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, màu đỏ, bên trong có gắn thẻ sim 0935115468 là điện thoại bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

01 USB màu trắng, nhãn hiệu Kingston bên trong có chứa các tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất thuộc dự án mở rộng đường ĐH 7 của các đợt 1,2,3,6,7,8,9,10 cần tiếp tục lưu hồ sơ để giải quyết vụ án ;

Các vật chứng còn lại, Cơ quan điều tra công an huyện Núi Thành đã trả lại cho các chủ sở hữu và người bị hại là phù hợp nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Bùi Minh D** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Về tội “*Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” trừ đi thời gian 04 (Bốn) tháng, 07 (bảy) ngày tạm giữ, tạm giam, còn lại bị cáo phải chấp hành là tháng 31 (Ba mươi mốt) tháng, 23 (Hai mươi ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị cho Trần Thị Cẩm L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu) đồng tại Tài khoản tạm giữ số: 3949.0.9042536.00000 của Công an huyện Núi Thành tại Kho bạc Nhà nước huyện Núi Thành, Quảng Nam.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, màu đỏ, bên trong có gắn thẻ sim 0935115468, đã qua sử dụng.

Thu giữ, lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB màu trắng, nhãn hiệu Kingston bên trong có chứa các tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất thuộc dự án mở rộng đường ĐH 7 của các đợt 1,2,3,6,7,8,9,10.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo D phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt co quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND tỉnh Q.Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Cần

